

TUẦN 11

Bài 19 CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ khó; đọc rõ ràng một truyện kể ngắn và đơn giản, biết đọc lời kể chuyện trong bài *Chữ A và những người bạn* với ngữ điệu phù hợp.
b. Hiểu được nội dung câu chuyện của chữ A và nhận thức của chữ A về việc cần có bạn bè, bước đầu nhận biết được một số yếu tố của một truyện kể như người kể chuyện (xưng “tôi”) và những sự việc liên quan. Quan sát tranh và hiểu được các chi tiết trong tranh. (Bức tranh vẽ chữ A và những người bạn trên trang sách mở và khi chỉ có một mình.)
2. Biết viết chữ viết hoa I, K cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết được câu ứng dụng *Kiến tha lâu cũng đầy tổ*.
3. Biết trao đổi với các bạn về niềm vui của em; chia sẻ được những điều làm em không vui.
4. Có tinh thần hợp tác và kết nối với bạn bè, có khả năng làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự kể về bản thân từ ngôi thứ nhất; nắm được nội dung VB *Chữ A và những người bạn*; cách thể hiện đặc điểm và cảm xúc của nhân vật trong VB.
- Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Sưu tầm tranh ảnh về các chữ cái hoặc bảng chữ cái phóng to.
- Mẫu chữ viết hoa I, K, vở *Tập viết 2 tập một*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS đọc lại một đoạn trong bài *Tớ nhớ cậu* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một vài chi tiết thú vị trong bài đọc).

ĐỌC

1. Khởi động

- Cả lớp: GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu.
- VD: Các em quan sát tranh minh họa các chữ cái đang đứng trên một trang sách mở ra và làm việc theo cặp (hoặc nhóm) như sau:
 - + Nói tên các chữ cái có trong tranh (nếu em biết).
 - + Đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và tranh minh họa.
 - Cặp đôi/ nhóm: Cùng nhau chỉ vào tranh trong SHS, nói tên từng chữ cái (VD: chữ *a*, chữ *bê*, chữ *xê*, chữ *dê*, chữ *e*, chữ *giê*,...).
 - GV giới thiệu về bài đọc (câu chuyện của chữ A).

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + Quan sát tranh minh họa bài đọc, nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ các chữ cái đang đứng trên một trang sách mở ra).
- + GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, HS đọc thầm theo.
- + GV nêu một số từ khó như *nổi tiếng*, *vui sướng*, *sảng khoái*, *trân trọng* để HS đọc.
- + GV hướng dẫn cách đọc lời tự sự (tự kể chuyện mình) của chữ A (GV đọc giọng chậm rãi, thể hiện giọng nói/ ngữ điệu của người kể chuyện).
- + GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài đọc (HS1 đọc từ đầu đến với *tôi trước tiên*; HS2 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.
- + GV có thể đưa thêm những từ ngữ còn khó hiểu đối với HS.
- Luyện đọc theo cặp:
 - + Từng cặp HS đọc nối tiếp 2 đoạn trong nhóm (như 2 HS đã làm mẫu trước lớp). HS gộp ý cho nhau.
 - + GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào?

- HS làm việc nhóm, cùng xem lại đoạn văn 1 của VB, thảo luận nhóm; từng em nêu câu trả lời.
- Cả nhóm thống nhất cách trả lời phù hợp (Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng đâu.).

Câu 2. Chữ A mơ ước điều gì?

- HS làm việc nhóm:
 - + Từng HS trong mỗi nhóm nói về điều mơ ước của chữ A.

- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- Cả lớp thống nhất câu trả lời. (Chữ A mơ ước một mình nó làm ra một cuốn sách.).

Câu 3. Chữ A nhận ra điều gì?

- HS trao đổi theo nhóm:
- + Từng HS trong mỗi nhóm nêu ý kiến giải thích của mình, các bạn góp ý.
- + Cả nhóm thống nhất câu trả lời. (Chữ A nhận ra rằng nếu chỉ có một mình, chữ A chẳng thể nói được với ai điều gì.)

- Cả lớp:

- + Các nhóm nêu câu trả lời trước lớp.
- + Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

Câu 4. Chữ A muốn nhắn nhủ điều gì với các bạn?

- HS trao đổi theo nhóm:
- + Mỗi HS đọc thầm các phương án trả lời trắc nghiệm.
- + Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhóm góp ý.
- + Cả nhóm thống nhất câu trả lời phù hợp (*Chăm đọc sách*).
- Cả lớp:
- + Các nhóm nêu câu trả lời trước lớp.
- + Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

4. Luyện đọc lại

- HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.
- HS tập đọc lại các đoạn dựa theo cách đọc của GV.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn chữ: Cảm ơn các bạn, nhờ có các bạn, chúng ta đã (...)

- HS trao đổi theo nhóm:
- + Mỗi HS suy nghĩ, tìm từ ngữ nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn.
- + Từng em thay chữ A nói lời cảm ơn, cả nhóm góp ý (VD: Cảm ơn các bạn, nhờ có các bạn, chúng ta đã làm nên những cuốn sách hay/ làm nên những cuốn sách bổ ích.).
- Cả lớp:
- + Các nhóm nói lời cảm ơn trước lớp.
- + Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.

Câu 2. Tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc.

- HS trao đổi theo nhóm:
- + Mỗi HS đọc thầm các từ ngữ cho trước rồi tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc.

- + Từng em nói từ ngữ mà mình tìm được.
- + Cả nhóm thống nhất phương án trả lời (*vui sướng, ngạc nhiên*).
- Cả lớp:
- + Các nhóm nói các từ ngữ chỉ cảm xúc trước lớp.
- + Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời của các nhóm.
- GV nhận xét chung.

TIẾT 3

VIẾT

1. Viết chữ hoa

- GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa *I*, *K* và hướng dẫn HS:
- + Quan sát mẫu chữ viết hoa *I*, *K*: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ viết hoa *I*, *K* (đặc biệt là cấu tạo của chữ viết hoa *I* như phần đầu của chữ viết hoa *K*).

GV có thể hướng dẫn HS viết theo quy trình sau:

Chữ viết hoa *I* cỡ vừa cao 5 li, rộng 2 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 1 li.

• Nét 1 (cong trái và lượn ngang): từ điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 5 cạnh bên phải đường kẻ dọc 3, viết nét cong trái, kéo dài thêm đến giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 4.

• Nét 2 (móc ngược trái và lượn vào trong): từ điểm kết thúc nét 1, kéo thẳng xuống đến đường kẻ ngang 2 rồi viết nét cong trái. Điểm kết thúc là giao điểm giữa đường kẻ dọc 3 và đường kẻ ngang 2.

Chữ viết hoa *K* cỡ vừa cao 5 li, rộng 5 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 2,5 li.

• Viết nét 1, 2 như viết chữ viết hoa *I*.

• Nét 3: Đặt bút tại giao điểm đường kẻ ngang 5 và đường kẻ dọc 5, vòng bút viết nét cong bé, đưa bút hơi thẳng xuống quang giữa của chữ để tạo nét thắt nhỏ ở giữa; tiếp theo, viết nét móc ngược phải. Điểm dừng bút là giao điểm giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 6.

+ HS quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa *I*, *K* trên màn hình, nếu có).

- HS tập viết chữ viết hoa *I*, *K* (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn (HS có thể chỉ cần viết chữ viết hoa *K* vì chữ này đã bao gồm chữ viết hoa *I*).

- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.

- HS viết chữ viết hoa *I*, *K* vào vở *Tập viết 2 tập một*.

- HS gộp ý cho nhau theo cặp.

2. Viết ứng dụng

- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS: *Kiến tha lâu cũng đầy tổ*.
- HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).

- GV hướng dẫn HS viết chữ viết hoa K đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.
- HS viết vào vở *Tập viết 2 tập một*.
- HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

1. Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh.

- HS quan sát tranh, sau đó trao đổi trong nhóm về những điều mà các nhân vật trong tranh nói về niềm vui của mình.

Tranh 1. Nai con nói: “Niềm vui của tớ là được đi dạo trong cánh rừng mùa xuân.”

Tranh 2. Nhím nói: “Niềm vui của tớ là được cây rừng tặng cho nhiều quả chín.”

Tranh 3. Các bạn nhỏ nói: “Niềm vui của chúng tớ là được cùng học, cùng chơi với nhau.”

- Một số (3 – 4) HS trình bày trước lớp về niềm vui của các nhân vật trong tranh.

2. Niềm vui của em là gì? Điều gì làm em không vui? Hãy chia sẻ cùng các bạn.

- GV cho HS thảo luận theo nhóm, mỗi HS nói về niềm vui của mình và điều làm mình không vui.
- Mỗi nhóm tự tổng hợp và đại diện các nhóm trình bày trước lớp những niềm vui của các bạn trong nhóm mình và những điều làm cho các bạn trong nhóm không vui. GV lưu ý tổ chức hoạt động này giúp cho HS nói tự nhiên, theo đúng suy nghĩ của các em.
- Các HS khác nghe và nhận xét. GV tổng hợp các kết quả.

VẬN DỤNG

Nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình em.

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

- Bước 1: Trước khi nói chuyện với những người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình (có thể: ông, bà, bố, mẹ,...), mỗi HS hãy thử đoán niềm vui của các thành viên đó là gì dựa vào sự gần gũi và những gì mỗi HS biết được về những người đó.
- Bước 2: HS nói chuyện với người thân để kiểm tra xem điều em đoán có đúng không.

CÙNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Sau bài học *Chữ A và những người bạn*, các em đã:
 - + Đọc – hiểu bài *Chữ A và những người bạn*.
 - + Viết đúng chữ viết hoa I, K, câu ứng dụng *Kiến tha lâu cũng đầy tổ*.

- + Nói về niềm vui của mình, về điều làm mình không vui.
- HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.